

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 09 - 7 - 2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Khâm

Ông Nguyễn Khánh Duy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1994.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 124 Đường 21B, tổ dân phố Đ, Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Dương Tiến Đ, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số nhà 124 Đường 21B, tổ dân phố Đ, Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, anh Đ vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/5/2019, bản tự khai nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Tiến Đ đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 2012 tại UBND Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị được xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Tiến T - Sinh ngày 13/8/2013 và Dương Thị Thùy L - Sinh ngày 04/4/2015. Hiện con Dương Tiến T đang ở với anh Đ, con Dương Thị Thùy L đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 2 con chung hoặc con Dương Thị Thùy L và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Nếu anh Đ không đồng ý thì chị đồng ý để anh Đ nuôi con Dương Tiến T.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị H có gửi bà Nguyễn Thị Kim T – Sinh năm: 1960 là mẹ chồng chị H số tiền 50.000.000 đồng và 04 chỉ vàng, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị có yêu cầu nhưng các bên đã tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Kim T (là mẹ đẻ anh Đ) trình bày:

Anh Đ có biết việc chị có đơn xin ly hôn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... và đã thông báo cho anh Đ những nội dung này nhưng do bận công việc nên anh Đ không đến Tòa án. Anh Đ có trao đổi với bà là không đồng ý ly hôn.

Bà T xác nhận quá trình kết hôn, chung sống của anh Đ, chị H. Vợ chồng có mâu thuẫn do hiểu nhầm.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Tiến T - Sinh ngày 13/8/2013 và Dương Thị Thùy L - Sinh ngày 04/4/2015. Hiện nay con Dương Tiến T đang ở với anh Đ, con Dương Thị Thùy L đang ở với chị H.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ, và trình bày cả hai con chung đang ở cùng chị, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng; Tài sản chung, công nợ chị H không yêu cầu. Về số tiền 50.000.000 đồng và 04 chỉ vàng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng

không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh Đ đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị H, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung;

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Dương Tiến Đ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Phạm Thị H và anh Dương Tiến Đ đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2012 tại UBND TT C, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ tháng 5 năm 2018 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H cho anh Đ nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của Chị H, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải các ngày 21/5/2019 và ngày 06/6/2019 trình bày bà Nguyễn Thị Kim T (là mẹ đẻ của anh Dương Tiến Đ) cung cấp:

Anh Đ có biết việc chị H có đơn xin ly hôn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa

giải... và đã thông báo cho anh Đ những nội dung này nhưng do bận công việc nên anh Đ không đến Tòa án.

Bà T cũng xác nhận vợ chồng chị H, anh Đ có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5/2018 tới nay. Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trao đổi với anh Đ về việc chị H có đơn xin ly hôn, anh Đ có quan điểm không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị H và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, hiện tại đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ được với nhau được nữa nên việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy:

Chị H có đề nghị khi ly hôn được nuôi cả hai con chung hoặc con Dương Thị Thùy L và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Nếu anh Đ không đồng ý thì chị đồng ý để anh Đ nuôi con Dương Tiến T. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù được thông báo nhiều lần anh Đ không đồng ý ly hôn và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. Việc chị H nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh Đ có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị H và anh Đ có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

Về tài sản riêng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị H trình bày có gửi bà Nguyễn Thị Kim T là mẹ chồng chị H số tiền 50.000.000 đồng và 04 chỉ vàng nhưng sau đó các bên tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm này nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Dương Tiến Đ.
2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Dương Tiến T - Sinh ngày 13/8/2013 và Dương Thị Thùy L - Sinh ngày

04/4/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Dương Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị H nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/04969 ngày 04/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Dương Tiến Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND TT C, huyện T;
- UBND TT C, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà